

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2024**



Ngành: **Truyền thông đa phương tiện**  
 Chuyên ngành: **Sản xuất phim ngắn và quảng cáo;  
 Công nghệ truyền thông**  
 Mã số ngành: **7320104**  
 Đơn vị quản lý: **Viện Truyền thông và Thể thao**

Số tín chỉ tích lũy: **134**

| TT       | Mã học phần | Tên học phần                                     | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |        |    |       |          | Đơn vị quản lý học phần |
|----------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|--------|----|-------|----------|-------------------------|
|          |             |                                                  |                                  |            | LT              | TH/ TN | TT | ĐA MH | ĐA/ KLTN |                         |
| Học kỳ 1 |             |                                                  |                                  | 12         | 11              | 0      | 1  | 0     | 0        |                         |
| 1        | SKL101      | Phương pháp học đại học                          | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 2        | BUS101      | Tinh thần khởi nghiệp                            | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa KTQT               |
| 3        | LAW101      | Pháp luật đại cương                              | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa KTTC               |
| 4        | MMC301      | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện             | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Viện TT&TT              |
| 5        | MMC302      | Trải nghiệm ngành nghề                           | BB                               | 1          |                 |        | 1  |       |          | Viện TT&TT              |
| Học kỳ 2 |             |                                                  |                                  | 18         | 18              | 0      | 0  | 0     | 0        |                         |
| 1        | POL105      | Triết học Mác - Lênin                            | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 2        | SOS102      | Văn hiến Việt Nam                                | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa DL                 |
| 3        | INT201      | Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa CNTT               |
| 4        | LIT426      | Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông            | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 5        | VIE201      | Kỹ năng sử dụng tiếng Việt                       | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 6        | PUR421      | Pháp luật về truyền thông                        | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 7        | PUR440      | Truyền thông số                                  | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Viện TT&TT              |
| 8        | PHT101      | Giáo dục thể chất 1                              | BB                               | 1          |                 | 1      |    |       |          | TT.ĐTTTS                |
| Học kỳ 3 |             |                                                  |                                  | 18         | 18              | 0      | 0  | 0     | 0        |                         |
| 1        | MMC407      | Kỹ thuật Audio Video                             | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Viện TT&TT              |
| 2        | POL106      | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                    | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |
| 3        | MMC305      | Văn học ứng dụng                                 | BB                               | 3          | 3               |        |    |       |          | Viện TT&TT              |
| 4        | PUR425      | Viết và biên tập tin                             | BB                               | 2          | 2               |        |    |       |          | Khoa KHXH&NV            |

| TT              | Mã học phần               | Tên học phần                                            | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |          |          |          |          | Đơn vị quản lý học phần |
|-----------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|----------|----------|----------|----------|-------------------------|
|                 |                           |                                                         |                                  |            | LT              | TH/TN    | TT       | ĐA/MH    | ĐA/KLTN  |                         |
| 5               | MMC304                    | Tâm lý học truyền thông giao tiếp                       | BB                               | 3          | 3               |          |          |          |          | Viện TT&TT              |
| 6               | PUR423                    | Báo in và báo trực tuyến                                | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 7               | (Chọn 1 trong 3 học phần) |                                                         | TC                               | 3          | 3               |          |          |          |          |                         |
|                 | SOS101                    | Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN                          |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa ĐPH                |
|                 | PSY201                    | Tâm lý học đại cương                                    |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
|                 | SOS205                    | Giao tiếp đa văn hóa                                    |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa DL                 |
| 8               | PHT102                    | Giáo dục thể chất 2                                     | BB                               | 1          |                 | 1        |          |          |          | TT.ĐTTTS                |
| 9               | DEE104                    | Giáo dục quốc phòng                                     | BB                               | 8          | 8               |          |          |          |          | QK7                     |
| <b>Học kỳ 4</b> |                           |                                                         |                                  | <b>17</b>  | <b>15</b>       | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |
| 1               | POL107                    | Chủ nghĩa xã hội khoa học                               | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 2               | NAS101                    | Môi trường và con người                                 | BB                               | 3          | 3               |          |          |          |          | Khoa DL                 |
| 3               | MMC403                    | Thiết kế Web                                            | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 4               | MMC404                    | Thực hành Thiết kế Web                                  | BB                               | 2          |                 | 2        |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 5               | MMC405                    | Biên kịch phim ngắn                                     | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Viện TT&TT              |
| 6               | ENG201                    | Tiếng Anh giao tiếp 1                                   | BB                               | 3          | 3               |          |          |          |          | Khoa NN                 |
| 7               | (Chọn 1 trong 4 học phần) |                                                         | TC                               | 3          | 3               |          |          |          |          |                         |
|                 | SOS204                    | Các vấn đề xã hội đương đại                             |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
|                 | SOS206                    | Mỹ học đại cương                                        |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
|                 | PUR308                    | Điều tra xã hội học                                     |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
|                 | MAR201                    | Marketing căn bản                                       |                                  |            |                 |          |          |          |          | Khoa KTQT               |
| 8               | PHT103                    | Giáo dục thể chất 3                                     | BB                               | 1          |                 | 1        |          |          |          | TT.ĐTTTS                |
| <b>Học kỳ 5</b> |                           |                                                         |                                  | <b>19</b>  | <b>16</b>       | <b>2</b> | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |
| 1               | POL108                    | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                          | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 2               | PUR439                    | Nghiên cứu thị trường                                   | BB                               | 3          | 3               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 3               | MMC406                    | Nghệ thuật nhiếp ảnh                                    | BB                               | 3          | 2               | 1        |          |          |          | Viện TT&TT              |
| 4               | MMC410                    | Ứng dụng đồ họa đa phương tiện                          | BB                               | 3          | 2               | 1        |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 5               | MMC411                    | Sản xuất chương trình phát thanh                        | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Viện TT&TT              |
| 5               | MAR403                    | Quảng cáo                                               | BB                               | 2          | 2               |          |          |          |          | Khoa KHXH&NV            |
| 7               | ENG202                    | Tiếng Anh giao tiếp 2                                   | BB                               | 3          | 3               |          |          |          |          | Khoa NN                 |
| 8               | MMC303                    | Báo cáo chuyên đề thực tiễn Truyền thông đa phương tiện | BB                               | 1          |                 |          | 1        |          |          | Viện TT&TT              |
| <b>Học kỳ 6</b> |                           |                                                         |                                  | <b>19</b>  | <b>17</b>       | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |                         |

